

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 78/2019/KDTM-PT

Ngày: 19/7/2019

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình
Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Phạm Tuấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-KDTM ngày 09/01/2019 về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do bản án sơ thẩm số 10/2018/KDTM - ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 210/2019/QĐ-PT ngày 21/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 202 ngày 03/7/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T.

Trụ sở: số 1A ngõ 2, phố P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị L – Giám đốc Công ty (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần G.

Trụ sở: Khu N03 khu đô thị Đ, đường H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Kiên C – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Huyền T – Giám đốc Ban quản lý Tòa nhà (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần G - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01/06/2015, Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T (gọi tắt là nguyên đơn) ký Hợp đồng vận chuyển số 01/06/2015/GGVN-TDD với Công ty Cổ phần G (gọi tắt là bị đơn) về việc vận chuyển chạc, phế thải xây dựng tại Tòa nhà M. Đơn giá dịch vụ là 117.000 đồng/m³ (đã bao gồm V.A.T), khối lượng thực tế được hai bên xác nhận tại Tòa nhà bằng nội dung Bảng xác nhận khối lượng, được tính trên m³/1 xe vận chuyển ra khỏi Tòa nhà. Việc vận chuyển phải được thực hiện hết trong đêm, thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, gồm: Giấy đề nghị thanh toán, Hóa đơn V.A.T và Bảng xác nhận khối lượng vận chuyển có xác nhận của 2 bên. Số ngày vận chuyển và Bảng xác nhận khối lượng xe gom phế thải sẽ có đại diện bị đơn (gồm Trưởng ca An ninh và Đại diện phòng kỹ thuật Tòa nhà) và nhân viên của nguyên đơn ký nhận.

Nguyên đơn trình bày: Quá trình thực hiện hợp đồng, trong hai tháng 6 và 7/2015, nguyên đơn đã vận chuyển 194 xe chạc, rác thải xây dựng ra khỏi Tòa nhà. Căn cứ Biên bản xác định khối lượng xe được ký giữa hai bên vào hồi 23 giờ ngày 10/6/2015 thì khối lượng rác thải đã vận chuyển là 1.552 m³ và theo đơn giá của Hợp đồng thì số tiền nguyên đơn phải được thanh toán là 181.584.000 đồng.

Trong các ngày 30/6 và 30/7/2015, nguyên đơn đã gửi hồ sơ yêu cầu thanh toán theo khối lượng vận chuyển của tháng cho bị đơn nhưng bị đơn lấy lý do chưa xác định được khối lượng, cần kiểm tra lại số liệu nên chưa thanh toán. Ngày 30/10/2015, nguyên đơn và bị đơn đã phải lập biên bản thu hồi hóa đơn V.A.T đã phát hành.

Sau nhiều lần yêu cầu mà không được thanh toán, ngày 26/6/2016 nguyên đơn đã có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền dịch vụ vận chuyển rác thải đã thực hiện là 181.584.000 đồng.

Bị đơn trình bày: Bị đơn bắt đầu vận chuyển chạc, phế thải xây dựng theo hợp đồng đã ký với nguyên đơn từ ngày 10/6/2015 đến đầu tháng 7/2015. Khi bị đơn nhận được thông báo thanh toán của nguyên đơn thì phát hiện khối lượng chênh lệch rất lớn so với khối lượng quyết toán của nhà thầu tháo dỡ cùng thời điểm thực hiện và nhiều hơn số liệu do nhà thầu vận chuyển rác thải trước từng làm trung bình các tháng nên có cho kiểm tra việc thực hiện của tháng 6 và tháng 7, phát hiện cách thức vận chuyển là đóng chạc rác vào bao không đúng quy định của hợp đồng. Do vậy, bị đơn không thanh toán và thông báo cho nguyên đơn việc tạm dừng việc vận chuyển để thống nhất về khối lượng và tìm ra nguyên nhân chênh lệch. Cho đến nay, bị đơn chưa có văn bản nào về việc chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn mà vẫn đang trong quá trình kiểm tra khối lượng thực tế.

Theo quy định của hợp đồng, khối lượng thực tế được hai bên xác nhận tại tòa nhà bằng nội dung bản xác nhận khối lượng được tính trên m³/1 xe vận chuyển khỏi tòa nhà. Về nguyên tắc xe khi vận chuyển ra ngoài tòa nhà thì nhân

viên của cả hai bên phải kiểm tra đo khối lượng chạc và kiểm tra xe theo quy định. Thực tế không có việc kiểm tra này và đây là lỗi của cả hai bên và giám sát của Ban quản lý chỉ xác nhận xe vào Công ty Cổ phần G không có cơ sở để chấp nhận khối lượng do nguyên đơn đưa ra.

Đối với các bản ảnh do nguyên đơn xuất trình là hình ảnh được trích xuất từ máy ảnh của tòa nhà, nhưng chỉ thể hiện có các bao đóng nhưng không xác định được là chứa gì và xe đầy hay vơi. Ngoài ra, thời gian giữa các chuyến xe cũng có nhiều bất hợp lý như có chuyến cách nhau hơn 1 giờ và có chuyến lại cách nhau có 11 – 13 phút. Với khoảng thời gian ngắn như nêu trên thì bị đơn nghi ngờ có việc gian dối về số lượng rác trên xe.

Về biên bản xác định khối lượng xe ngày 10/6/2015, bị đơn xác nhận có biên bản này và có ký. Về nội dung biên bản quy định về xe và khối lượng xe, nếu có xe khác phải đăng ký với tòa nhà. Về cách thức vận chuyển không quy định trong biên bản này mà được quy định tại hợp đồng vận chuyển giữa hai bên. Bị đơn không chấp nhận khối lượng chạc mà nguyên đơn đã vận chuyển vì rác thải được đóng vào các bao không được chứa trực tiếp trong thùng xe nên khối lượng rác thải trong một xe không giống như cách tính của tòa nhà.

Vì vậy, bị đơn không có cơ sở thanh toán cho nguyên đơn theo yêu cầu khởi kiện.

Bản án sơ thẩm số 10/2018/KDTM - ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T.
2. Buộc Công ty Cổ phần G phải thanh toán cho Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T số tiền chi phí vận chuyển rác thải từ ngày 10/6/2015 đến ngày 13/7/2015 là 151.275.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2018, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên và đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại khối lượng và giá trị chạc, rác xây dựng được nguyên đơn vận chuyển thực tế phát sinh tại tòa nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng chưa có cơ sở xác định chính xác về khối lượng rác thải đã vận chuyển nên chưa đồng ý thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn. Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, lời khai ở cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng qui định của pháp luật vì vậy kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần G làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán khoản tiền phí dịch vụ vận chuyển chạc, phế thải xây dựng tại Tòa nhà M. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp về Hợp đồng dịch vụ thuộc khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với qui định của pháp luật.

+ Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có trụ sở tại Khu N03 khu đô thị Đ, đường H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận C thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

+ Xét Hợp đồng dịch vụ được người đại diện pháp luật của 2 doanh nghiệp ký kết theo đúng ngành nghề đăng ký, nên có hiệu lực thi hành. Về cách tính khối lượng: Hợp đồng quy định *“khối lượng thực tế được hai bên xác nhận tại Tòa nhà bằng bảng xác nhận khối lượng tính trên m³/1 xe vận chuyển ra khỏi tòa nhà. Số ngày vận chuyển và Bảng xác nhận khối lượng xe sẽ có đại diện An ninh, Kỹ thuật và nhân viên của Công ty T ký nhận.”*. Như vậy, các bên không thỏa thuận cụ thể về cách thức vận chuyển bằng cách đổ thẳng rác thải lên xe hay đóng bao vận chuyển. Trong ngày vận chuyển đầu tiên là đêm ngày 10/6/2015 và rạng sáng ngày 11/6/2015, nhân viên hai bên đã ký Bảng xác nhận khối lượng xe của 6 chuyến xe ra, thì có mục xác định khối lượng ghi nội dung *“xe đầy”*. Trong cùng ngày 10/6/2015, bà Nguyễn Huyền T – Giám đốc Ban quản lý và 2 nhân viên An ninh, Kỹ thuật của Tòa nhà đã ký Biên bản xác định khối lượng của mỗi xe vận chuyển với của Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T. Nội dung ghi nhận *“hai bên thống nhất khối lượng xe trên làm căn cứ thanh toán”*. Kể từ ngày 12/6/2015, việc theo dõi các chuyến xe ra vào được lập theo Sổ theo dõi của Ban quản lý Tòa nhà và không hề có nội dung xác định khối lượng. Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm Sổ theo dõi và Bản ảnh chụp

camera đều của phía Ban quản lý Tòa nhà. Nay bị đơn nêu vì Sổ theo dõi không xác định khối lượng mỗi xe ra vào là vi phạm hợp đồng để không thanh toán chi phí vận chuyển cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc lấy căn cứ thanh toán là khối lượng quyết toán của nhà thầu tháo dỡ trong thời gian tương ứng là không có cơ sở chấp nhận, bởi thực tế ngoài khối lượng chạc xây dựng, còn có rác thải của cả Tòa nhà.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, việc căn cứ trên số lượng 194 xe ra để nhân với thể tích xác định theo Biên bản xác định khối lượng xe là 8m^3 và ra khối lượng vận chuyển là 1.552m^3 thành tiền 181.584.000 đồng cũng không có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Bởi lẽ, căn cứ các bản ảnh nguyên đơn cung cấp, có những chuyến xe không đầy với chiều cao thành xe như Biên bản xác định khối lượng ngày 10/6/2015. Cụ thể như sau:

1. Các chuyến xe đầy là: 5 chuyến xe ra lúc 2 giờ 11 (BL 113-114), 2 giờ 35 (BL 111-112), 2 giờ 57 (BL 109-110), 3 giờ 21 (BL 107-108) và 4 giờ 50 (BL 101-102) ngày 26/6/2015; 18 chuyến xe ngày 02 và 03/7/2015 (BL 134-138 và 141-153); 9 chuyến xe ngày 07 và 08/7/2015 (BL 154-156, 159-164 và 169-171); 21 chuyến xe ngày 08 và 09/7/2015 (BL 172-212); 12 chuyến xe ngày 10 và 11/7/2015 (BL 213-237); 17 chuyến xe ngày 12 và 13/7/2015 (BL 238-254). Tổng cộng 82 chuyến xe đầy.

2. Chuyến rác đổ cao 1/3 thành xe là: xe biển kiểm soát 29C-14xxx ra lúc 4 giờ 18 phút ngày 19/6/2015 (BL 48).

3. Các chuyến rác đổ cao 1/2 thành xe là: chuyến xe ra lúc 21 giờ 55 (BL 42), 23 giờ 37 (BL 36) ngày 16/6/2015; 1 giờ 01 (BL 32), 1 giờ 21 (BL 30) ngày 17/6/2015; 21 giờ 35 (BL69), 22 giờ 15 (BL67) ngày 18/6/2015; 0 giờ 11 (BL61), 1 giờ 14 (BL57), 2 giờ 01 (BL54), 2 giờ 53 (BL52) và 5 giờ 02 (BL46) ngày 19/6/2015; Tổng cộng có 11 chuyến xe đầy 1/2.

4. Các chuyến rác đổ cao 2/3 thành xe là: 100 chuyến xe còn lại.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ là các bản ảnh của mỗi chuyến xe để xác định chiều cao tương đối của lượng rác vận chuyển, căn cứ cách tính khối lượng được hai bên ghi nhận tại Biên bản xác định khối lượng ngày 10/6/2015, xác định khối lượng thực tế của mỗi xe và tổng các chuyến như sau:

- Mỗi xe đầy được tính 8m^3 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tổng cộng: $82 \text{ chuyến} \times 8\text{m}^3/\text{chuyến} = 656\text{m}^3$.

- Mỗi xe đổ cao 1/2 được tính 4m^3 . Tổng cộng: $11 \text{ chuyến} \times 4\text{m}^3/\text{chuyến} = 44\text{m}^3$

- Mỗi xe đổ cao 1/3 được tính theo Biên bản xác định khối lượng xe ngày 10/6/2015 như sau: $3,3\text{m}$ chiều dài $\times 1,79\text{m}$ chiều rộng $\times 0,5\text{m}$ chiều cao $= 2,95\text{m}^3$. Tổng cộng: $1 \text{ chuyến} \times 2,95\text{m}^3/\text{chuyến} = 2,95\text{m}^3$.

- Mỗi xe đổ cao 2/3 được tính theo Biên bản xác định khối lượng xe ngày 10/6/2015 như sau: 3,3m chiều dài x 1,79m chiều rộng x 1m chiều cao = 5,9m³. Tổng cộng: 100 chuyến x 5,9m³/chuyến = 590m³.

Như vậy, cấp sơ thẩm xác định tổng lượng rác thải đã được Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T vận chuyển trong thời gian từ ngày 16/6/2015 đến ngày 13/7/2015 là 1.292,95m³, thành tiền là 151.275.000 đồng và buộc Công ty Cổ phần G phải thanh toán cho Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T số tiền 151.275.000 đồng là có căn cứ, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

5. Về án phí: Công ty Cổ phần G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản tiền phải thanh toán là 7.563.750 đồng và chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là: 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ;

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14 ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 148; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468; Điều 513 đến 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 74, Điều 82, Điều 85, Điều 86, Điều 87 và Điều 319 Luật thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần G.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T.
3. Buộc Công ty Cổ phần G phải thanh toán cho Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T số tiền chi phí vận chuyển rác thải từ ngày 10/6/2015 đến ngày 13/7/2015 là 151.275.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần G phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.563.750 đồng và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận Công ty Cổ phần G đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số 6452 ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội, còn phải nộp 7.563.750 đồng.

Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.000.000 đồng do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Xác nhận Công ty TNHH vệ sinh công nghiệp T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 4.540.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận C theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1021 ngày 17/10/2016, được hoàn trả 2.540.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 19/7/2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận C;
- Chi Cục THA DS quận C;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy